B.01 Kinh Đại Bổn

Kinh Trường A-Hàm (VNC PHVN, 2022)

PHAN I 1. KINH ĐẠI BỔN12 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo ngụ tại tinh xá Hoa Lâm,2 trong rừng Kỳ-đà,3 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, sau khi khất thực xong, các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường Hoa Lâm rồi cùng bàn luận: "Này chư Hiền Tỳ"kheo! Chỉ có đấng Vô Thượng Tôn là kỳ diệu, hy hữu, oai lực lớn lao, thần thông đạt đến chỗ cao xa mới biết rõ quá khứ vô số đức Phật đã nhập Niết-bàn thế nào, đoạn kiết sử và dập tắt hy luận ra sao, đồng thời biết rõ kiếp số các đức Phật quá khứ nhiều ít, cho đến danh hiệu, chủng tộc, dòng họ thác sanh, việc ăn mặc, thọ mạng dài ngắn, vui khổ làm sao. Lại biết rõ các đức Phật thời quá khứ có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy và an trụ như vậy. Chư Hiền nghĩ thế nào? Những việc ấy là do đức Như Lai khéo thấu rõ pháp tánh mà biết hay do chư thiên kể lại?" Lúc ấy, đang nơi chỗ nhàn vắng, bằng thiên nhĩ thanh tịnh nên đức Phật nghe rõ các Tỳ-kheo bàn luận như thế, Ngài liền rời chỗ ngồi, đi đến giảng đường Hoa Lâm và ngồi xuống chỗ của mình. _ _ ỉ Bay giơ, du đã biêt nhưng The Ton van hoi: Này các Tỳ-kheo! Các thầy nhóm họp ở đây để bàn luận việc gì? Thế rồi, các Tỳ-kheo liền trình bày với đức Phật những việc như trên. Nghe xong, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

1 Nguyên tác: Đại bổn kinh (roi. 0001.1. 0001bl2). Tham chiếu: Thất Phật kỉnh (roi. 0002. 0150a03); Ty-ba-thi Phật kinh (roi. 0003. 0154Ồ05); Thất Phật phụ mẫu tánh tự kinh (01. 0004. 0159a24); Tăng^ (T.02. 0125.48.4. 0790a07);D. 14,Mahāpadāna Suita (Kinh Đại bôn). Lưu ý, trong phần cuôi của bài kinh này lại ghi Đại nhân duyên kinh . 2 Nguyên tác: Hoa Lâm quật (,Karerikutikā). Theo Chú giải Kinh Đại bổn (DA. 14), đây là một trong 4 trú xứ lớn (cattāri mahãgehãní) được xây dựng trong rưng Kỳ Thọ (Jetavana). Ba trú xứ kia gồm Kosambakuti, Gandhakuti và Salalaghara. Bốn cong trình nay do vùa Ba-tư-nặc (Pasenadi) và tnrong giả cấp Co Độc (Anāthapindika) xay dựng. Trước cổng trú xứ có hàng cây Kareri (còn gọi là cây Varuna) nen nhân đó được đạt ten. Theo ngành thực vật học? cây Karen có ten ứioa học la Crataeva Roxburghii. ở Việt Nam cây này có tên gọi địa phương là cây Bún, Ngư mộc, Nấm núi, cây Lá ngạnh... 3 Kỳ Thọ (Jetavana), vốn là một khu vườn rất đẹp của Thái,tử Kỳ-đà (Jeta). Sau khi biết trưởng giả Cấp Co Độc (Anāthapindika) mua lại khu vườn này để xây cất tinh xá cung dường Phật và chúng Tăng, Thái tử Kỳ-đà đã hoan hỷ cúng dường vườn cây trên khu đất nên nhân đo được định danh là Ky Thọ ().

- Lành thay! Lành thay! Các thầy vì lòng tin chân chánh4 mà xuất gia tu đạo, những việc cần làm gồm có hai điều: Một là nói năng như Hiền thánh và hai là im lặng như Hiền thánh. Nêu có luận bàn điều gì thì các thay cũng nên như vậy. Như Lai có thần thông quảng dại, oai lực lớn lao, sở dĩ Ta biết rõ những việc từ vô số kiếp trong quá khứ là do Như Lai thông tỏ pháp tánh và cũng nhờ chư thiên kể lại. Khi ấy, Phật nói kệ

rằng: Tỳ-kheo tại pháp đường, Luận bàn pháp Hiền thánh. Thiên nhĩ Phật thanh tịnh, Nơi tịnh thất nghe suốt. Mặt trời Phật sáng soi, Phân biệt nghĩa pháp giới, Cũng biết việc quá khứ, Chư Phật5 nhập Niết-bàn. Danh hiệu, họ, dòng tộc, Biết mọi việc thọ sanh, Tru xứ, mọi ngọn ngành, Tịnh nhãn Phật thấy suốt. Chư thiên sức thần lớn, Dung mạo rất đoan nghiêm, Cũng đến cho Ta biết, Chư Phật nhập Niết-bàn, Nơi sanh, họ, dòng tộc, Tiếng nhiệm mầu trong đời. Bậc Phước Trí người, trời, Biết rõ Phật quá khứ. [000 le 13] Phật lại bảo các Tỳ-kheo: -Như Lai có Túc mạng trí, biêt nhân duyên của chư Phật quá khứ, nêu các thầy muốn nghe thì Như Lai sẽ giảng nói cho các thầy. Khi ấy, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng thời, chúng con muốn nghe. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng lúc, xin Ngài giảng thuyết, chúng con kính nguyện phụng hành! Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt, giảng thuyết cho các thây! Các Tỳ-kheo vâng lời, yên lặng lắng nghe. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -về thời quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp, có đức Phật hiệu Tỳ-bà- thi6 Như Lai, Chí Chân thị hiện ở đời. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, trong thời quá khứ cách đây ba mươi mốt kiếp, có đức Phật hiệu Thi-khí7 Như Lai, Chí Chân thị hiện ở đời. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Cũng cách đây trong ba mươi mốt

4 Nguyên tác: Bình đẳng tín .Bình đăng ,samd.n Theo ngữ cảnh, chữ uchân chanh,, ĩ./sammā đúng hơn. Rất có thể vì âm đọc của 'samdbình đẳng và am ^sammẩ' chân chánh gần giông nhau nên dịch nhầm. Cú ngữ này được SĀ. 17 ghi: Chánh tín phi gia xuất gia . 5 Nguyên tác: Tam Phật viết tắt của Tam-da-tam Phật Sammāsambuddhā: Đấng Giác Ngộ Viên Mãn. 6 Tỳ-bà-thi ,Vipassī. 7 Thi-khi ,Sikhī.

kiếp đó, có đức Phật hiệu Tỳ-xá-bà8 Như Lai, Chí Chân thi hiện ở đời. Lại nữa, này các Tỳ-kheo? trong Hiền kiếp9 này có các đức Phật hiệu Câu-lâu-tôn, Câu- na-hàm, Ca-diếp10 lần lượt thị hiện ở đời, nay Ta cũng thành bậc Giác Ngộ Tối Thượng11 trong Hiền kiếp này. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Chín mươi mốt kiếp trước, CÓ Phật Tỳ-bà-thi, Cách đay ba mốt kiếp, Phật Thi-khí ra đời, Cũng đồng trong kiếp đó, Tỳ-xá Phật thị hiện. [0002a] Và trong Hiền kiếp này, Không hạn lượng sô tuôi, Có bốn đức Như Lai, Vì chúng sanh thi hiện, Câu-lâu-tôn, Na-hàm, Ca-diếp và Thích-ca.12 Các thầy nên biết, thời Phật Tỳ-bà-thi, loài người sống thọ tám mươi ngàn tuổi. Thời Phật Thi-khí loài người sống bảy mươi ngàn tuổi. Thời Phật Tỳ-xá- bà loài người sông sáu mươi ngàn tuôi. Thời Phật Câu-lâu-tôn loài người sông bốn mươi ngàn tuổi. Thời Phật Câu-na-hàm loài người sống ba mươi ngàn tuổi. Thời Phật Ca-diếp loài người sống hai mươi ngàn tuổi. Và nay Ta xuất thế, loài người chỉ thọ được một trăm tuổi, hoặc hơn kém con số đó. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Người thời Tỳ-bà-thi? Thọ tám vạn tư tuổi,13 Người thời Phật Thi-khí, Thọ bảy mươi ngàn tuổi. Người thời Tỳ-xá-bà? Thọ sáu mươi ngàn tuổi, Người thời Phật Lâu-tôn, Thọ bôn mươi ngàn tuôi. Người thời Phật Na-hàm, Thọ ba mươi ngàn tuổi, Người thời Phật Ca-diếp, Thọ hai mươi ngàn tuổi. Người thời Ta hiện nay, Thọ không quá trăm tuổi. Đức Phật Tỳ-bà-thi sanh trong dòng Sát-đế-lợi,14 họ Câu-lợi-nhã.15 Đức Phật Thi-khí và Tỳ-xá-bà dòng họ cũng vậy. Đức Phật Câu-lâu-tôn

sanh vào dòng Bà-la-môn516 họ Ca-diếp.17 Đức Phật Câu-na-hàm và Ca-diếp cũng sanh

8 Tỳ-xá-bà ,Vessabhū. 9 Hiền kiếp ,Bhciddakappa. 10 Câu-lâu-tôn ,Kakusandha, Câu-na-hàm ,Konāgamana, Ca-diếp Kassapa. 11 Nguyên tác: Tối chánh giác Abhisambuddhā, quả vi giác ngộ cao nhất, tối thượng, tức thành Phật. 12 Nguyên tác: Thích-ca-văn ,viết tắt của Thích-ca-vãn-ni ,là cách dịch khác của Sākyamuni. Vì lẽ, Thích-ca được dịch âm từ Sâkya; Văn-ni được dịch âm tuMuni. Xem mục từ Muni tại Pãli - Hán từcủa Bhikkhu Maho & . 13 Đoạn trên nói 80 ngàn tuổi. 14 Sát-đế-lợi ^Khattiyā. 15 Câu-lợi-nhã ,Kondañña. 16 Bà-la-môn M, Brahmand. 17 Ca-diếp ,Kassapa.

vào dòng họ đó. Còn nay Ta là bậc Như Lai, Chí Chân sanh vào dòng Sát-đế- lợi, họ Cù-đàm.18 Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Đức Phật Tỳ-bà-thi, Thi-khí? Tỳ-xá-bà, Ba đấng Như Lai này, Sanh họ Câu-lợi-nhã. Ba đấng Như Lai khác, Sanh vào họ Ca-diếp. Nay Ta, Vô Thượng Tôn, Dan dắt các chúng sanh. Bậc nhất trong trời người, Họ Cù-đàm dũng mãnh, Ba đấng Chánh Giác trước, Sanh vào dòng Sát-lợi. Ba đức Như Lai sau, Sanh dòng Bà-la-môn. Nay Ta, Vô Thượng Tôn, Dòng Sát-lợi dũng mãnh. Đức Phật Tỳ-bà-thi thành bậc Tối Chánh Giác bên cội cây Ba-ba-la.19 Đức Phật Thi-khí thành bậc Tối Chánh Giác bên cội cây Phân-đà-lợi.20 Đức Phật Tỳ-xá-bà thành bậc Tối Chánh Giác bên cội cây Sa-la.21 Đức Phật Câu-lâu-tôn thành bậc Tối Chánh Giác bên cội cây Thi-lợi-sa.22 Đức Phật Câu-na-hàm thành bậc Tối Chánh Giác bên cội cây Ô-tạm-bà-la-môn.23 Đức Phật Ca-diếp thành bậc Tối Chánh Giác bên cội cây Ni-câu-luật.24 Nay Ta là đấng Như Lai, Chí Chân thành bậc Tối Chánh Giác bên cội cây Bát-đa.25 Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Tỳ-bà-thi Như Lai, Đen bên cây Ba-la, Ngay tại chính nơi này, Thành bậc Tối Chánh Giác. Phân-đà, Phật Thi-khí, Thanh đạo, dứt nguồn hữu. Đức Phật Tỳ-xá-bà, Ngồi bên cây Sa-la, Đạt giải thoát tri kiến, Thần túc thông vô ngại. Câu-lâu-tôn Như Lai, Ngồi bên cây Thi-lợi, Nhất thiết trí thanh tinh, Vô nhiễm, vô sở trước. Đức Phật Câu-na-hàm, Ngồi bên cây Ưu-đàm? Ngay chính cội cây đó, Diệt ưu não, ái, tham. Đức Ca-diếp Như Lai, Ngồi bên cây Ni-câu, Ngay chính cội cây này, Diệt trừ gốc hữu lậu. Ta nay hiệu Thích-ca, Ngồi bên cây Bát-đa.

18 Cù-đàm ,Gotama. 19 Ba-ba-la ,Pātalī. 2Ộ Phân-đà-lợi ,Pundarīka. 21 Sa-la SMaj. 22 Thi-lợi-sa Sinsa. 23 Ô-tạm-bà-la-môn .Các bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Ưu-đàm-ba-la , Udumbara. 24 Ni-câu-luật .Các bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Ni-câu-loại Nigrodha, đây là giống cây đa đạc biệt tại Ấn Độ, có tên khoa học là Ficus Bengalensis. 25 Bát-đa ,Assattha, đây là loài cây thiêng trong tín niệm Ấn Độ và kinh văn Phật giáo, còn gọi là cây Bồ-đề, có tên khoa học là Ficus Religiosa.

Đấng Như Lai, Thập Lực, Đoạn kiết sử? lưới tà, Hàng phục mọi quân ma, Diễn pháp mầu giữa chúng. Sức tinh tấn bảy Phật, Phóng quang xua tối dày, Ngồi dưới các tàng

cây, Chứng thành Tối Chánh Giác. [0002b22] Đức Phật Tỳ-bà-thi thuyết pháp ba hội: ở hội thứ nhất, đệ tử có một trăm sáu mươi tám ngàn vị; hội thứ hai, đệ tử có một trăm ngàn vị; hội thứ ba, đệ tử có tám mươi ngàn vị. Đức Phật Thi-khí cũng thuyết pháp ba hội: ở hội thứ nhất, đệ tử có một trăm ngàn vị; hội thứ hai, đệ tử có tám mươi ngàn vị; hội thứ ba, đệ tử có bảy mươi ngàn vị. Đức Phật Tỳ-xá-bà thuyết pháp hai hội: ở hội dầu, đệ tử có bảy mươi ngàn vị; hội kế đệ tử có sáu mươi ngàn vị. Đức Phật Câu-lâu-tôn thuyết pháp một hội, đệ tử có bốn mươi ngàn vị. Đức Phật Câu-na-hàm thuyết pháp một hội, đệ tử có ba mươi ngàn vi. Đức Phật Ca-diếp thuyêt pháp một hội, đệ tử có hai mươi ngàn vị. Ta nay thuyêt pháp một hội, đệ tử có một ngàn hai trăm năm mươi vị. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Tỳ-bà-thi tên Quán,26 Trí tuệ không thể lường, Vô úy,27 thấy muôn phương, Chúng đệ tử ba hội. Thi-khí, sáng,28 bất động, Mọi kiết sử phá tan, Oai đức lớn vô vàn, Chăng thê suy lường được, Phật thuyết pháp ba hội, Chúng đệ tử về nương. Tỳ-xá trừ não phiền, Đấng Giác Ngộ vân tập, Danh tiếng vang dội khắp, Xiển dương pháp nhiệm mầu, Chúng đệ tử hai hội, Diễn khắp nghĩa rộng sâu. Câu-lâu-tôn, một hội, Trị các khổ mau lành, Đạo sư độ chúng sanh, Chúng đệ tử một hội. Câu-na-hàm Như Lai, Đấng Vô Thượng cũng vậy, Sắc thân màu vàng tía, Dung mạo đẹp, tròn đầy, Chúng đệ tử một hội, Diên kháp pháp mâu này. Ca-diếp, mỗi phút giây, Nhát tâm không loạn tưởng, Nghĩa chân thật tràn đầy, Chúng đệ tử một hội. Đấng Năng Nhân, Tịch Diệt,29 Họ Thích, dòng Sa-môn9 Cõi trơi, bạc Toi Ton, Chúng đệ tử một hội. Nơi ấy Ta hiển nghĩa, Giảng giáo pháp tịnh thanh, Trong tâm thường hoan hỷ, Hết lậu, hữu không còn.

26 Nguyên tác: Quán dịch nghĩa của chữ Tỳ-bà-thi Vipassī. 27 Vô sở úy còn gọi/4VÔ úy", tức không hề sơ hãi bất cứ điều gì. ở đây chỉ cho khi Phật thuyết pháp giữa đại chúng, Ngai hết sức bình thản nhơ có đầy đủ đức vô úy. 28 Nguyên tác: Quang .Theo Diệu Pháp Liên Hoa kỉnh văn củ r.34. 1718.1. 0024b 16, đức Phật Thi-khí do tu Hỏa quang tam-muội mà thành tựu nên nhân đó mà định danh. 29 Năng Nhân dịch nghĩa của Thích-ca Sâkya.

Tỳ-bà, Thi-khí, ba, Phật Tỳ-xá hai hội, Bốn Phật đều một hội, Đấng Giác Ngộ diễn thuyết. [0002c24] Thuở ấy, hàng đệ tử ưu tú bậc nhất trong hội chúng của chư Phật thì đức Phật Tỳ-bà-thi có hai vị: Một là Khiên-trà, hai là Đề-xá;30 Phật Thi-khí có hai vi là A-tỳ-phù và Tam-bà-bà;31 Phật Tỳ-xá-bà có hai vị: Một là Phù- du, hai là Uất-đa-ma;32 Phật Câu-lâu-tôn có hai vị là Tát-ni và Tỳ-lâu;33 Phật Câu-na-hàm có hai vị: Một là Thư-bàn-na, hai là uất-đa-lâu;34 Phật Ca-diếp có hai vi là Đề-xá và Bà-la-bà;35 nay Ta cũng có hai vị, đó là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.36 Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Khiên-trà và Đề-xá, Đệ tử Phật Bà-thi, A-tỳ-phù, Tam-bà? Đệ tử Phạt Thi-khí. Phu-du, uất-đa-ma? Đứng đầu hàng đệ tử, Chế phục được chúng ma, Đệ tư Phật T^xá Tát-ni va Ty-lau? Đệ tử Phật Lưu-tôn, Thư-bàn, uất-đa-lâu, Đệ tử Phật Na-hàm. Đề-xá, Bàlabà, Đệ tử Phạt Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-liên, Đệ tử Ta, bậc nhất. [0003al5] Lại nữa, đệ tử thị giả của đức Phật Tỳ-bà"thi là Vô Ưu, của Phật Thi-khí là Nhẫn Hạnh, của Phật Tỳ-xá-bà là Tịch Diệt, của Phật Câu-lâu-tôn là Thiện Giác, của Phật Câu-na-hàm là An Hòa, của Phật

Ca-diếp là Thiện Hữu và thị giả của Ta là A-nan. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Vô Ưu và Nhẫn Hạnh, Tịch Diệt với Thiện Giác, Thiện Hữu và An Hòa, Cùng A-nan là bảy. Làm thị giả Như Lai, Ngày đêm luôn cẩn mật, Nghĩa các pháp đủ đầy, Người, mình đều lợi ích. Bảy đệ tử Hiền thánh, Thị giả bảy Như Lai, Hoan hỷ hầu các Ngài, An nhiên vào Tịch diệt. Đức Phật Tỳ-bà-thi có con tên Phương Ưng, Phật Thi-khí có con là Vô Lượng, Phật Tỳ-xá-bà có con tên Diệu Giác, Phật Câu-lâu-tôn có con tên Thượng Thắng, Phật Câu-na-hàm có con là Đạo Sư, Phật Ca-diếp có con tên Tập Quân và nay Ta có con tên La-hâu-la.

30 Khiên-trà Khanda và Đề-xá ,Tissa. 31 A-tỳ-phù ,Abhibhū và Tam-bà-bà Sambhava. 32 Phù-du ,Sona và uất-đa-ma ,Uttara. 33 Tát-ni Sahjiva và Tỳ-lâu ,Vidhūra. 34 Thư-bàn-na Bhiyyosa và Uất-đa-lâu ,Uttara. 35 Đề-xá ,Tissa và Bà-la-bà Bhāradvāja. 36 Xá-lợi-phất Sāriputta và Mục-kiền-liên § ,Moggallāna.

Khi ấy? Phật nói kệ rằng: Phương Ưng và Vô Lượng, Diệu Giác cung Thượng Thắng, Đạo Sư với Tập Quân, La-hầu-la là bảy. Những người con cao quý, Tiếp nối hạnh Như Lai, Ưa pháp, thích bố thí, Trong pháp được vô úy. [0003b07] Phật Tỳ-bà-thi có cha tên Bàn-đầu,37 thuộc dòng Sat-đế-lợi, mẹ tên Bàn-đầu-bà-đề.38 Kinh thành của Vua Bàn-đầu trị vì tên Bàn-đầu-bà-đề. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Phụ vương tên Bàn-đầu, Mẹ Bàn-đầu-bà-đề, Tên thành như từ mẫu, Phật thuyết pháp nơi này. Phật Thi-khí có cha tên Minh Tướng, thuộc dòng Sát-đế-lợi, mẹ tên Quang Diệu. Quốc thành vua cha trị vì tên Quang Tướng. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Thi-khí, cha Minh Tướng, Mẹ, Quang Diệu là tên, Ngay quốc thành Quang Tướng, Oai đức dẹp giặc ngoài. Phật Tỳ-xá-bà có cha là Thiện Đăng, thuộc dòng Sát-đế-lợi9 mẹ tên Xứng Giới. Quốc thành vua cha tri vì tên Vô Dụ. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Cha Phật Tỳ-xá-bà5 Thiện Đăng, dòng Sát-lợi, Mẹ tên là Xứng Giới, Quốc thành tên Vô Dụ. Phật Câu-lâu-tôn có cha tên Tự Đắc, thuộc dòng Bà-la-môn, mẹ tên Thiện Chi. Vua thời đó có tên An Hòa nên kinh thành cũng được gọi theo tên vua là thành An Hòa. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Cha, la-môn Tự Đắc,39 Mẹ tên là Thiện Chi, An Hòa, vua tên ấy, Thành An Hòa trị vì. Phật Câu-na-hàm có cha tên Đại Đức, thuộc dòng Bà-la-môn, mẹ là Thiện Thắng. Nhà vua thời đó có tên Thanh Tinh, nên kinh thành cũng được gọi theo tên vua là thành Thanh Tinh. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Cha, la-môn Đại Đức, Mẹ, Thiện Thắng là tên, Vua tên là Thanh Tịnh, Thành Thanh Tịnh trị vì. Phật Ca-diếp có cha tên Phạm Bức, thuộc dòng Bà-la-môn, mẹ tên Tài Chủ. Nhà vua thời ấy có tên Hấp-tỳ, kinh thành vua trị vì tên Ba-la-nại.

37 Bàn-đầu cũng gọi Bàn-đầu-ma-đa Bandhumā. 38 Bàn-đầu-bà-đề cũng gọi Bàn-đầu-ma-na Bandhumatī. 39 Tự Đắc ,Aggidatta.

Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Cha, la-môn Phạm Đức, Mẹ tên là Tài Chủ, Vua có tên Hấp-tỳ, Trị vì Ba-la-nại. [OOO3cO5] Cha Ta là Vua Tịnh Phạn,40 thuộc dòng Sát-đế-lợi? mẹ tên Đại Thanh Tinh Diệu.41 Kinh thành vua trị vì tên Ca-tỳ-la-vệ. Khi ấy, Phật nói kệ rằng:

Cha Tịnh Phạn, Sát-lợi, Mẹ Đại Thanh Tinh Diệu, Đất rộng, dân đông, giàu, Ta sanh ra tại đó. Đó là nhân duyên, danh hiệu, chủng tộc và nơi đản sanh của chư Phật. Không một người trí nào nghe đến nhân duyên đó mà không khởi tâm hoan hỷ, ưa thích! Bấy giờ, đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta muốn dùng túc mạng trí để nói về sự tích chư Phật quá khứ, các thầy có muốn nghe chăng? _ Các Tỳ-kheo bạch rằng: Nay thật đúng lúc, chúng con muôn được nghe. Phật bảo các Tỳ-kheo: - Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt, giảng nói cho các thây! Này các Tỳ-kheo! Nên biết thường pháp42 của chư Phật như vầy: Từ cung trời Đâu-suất, Bồ-tát Tỳ-bà-thi giáng thần vào thai mẹ từ hông bên phải với tâm chánh niệm, không tán loạn. Ngay lúc ấy, cõi đất rung chuyển, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp thế giới, soi sáng cả những nơi mà ánh sáng mặt trời và mặt trăng không thể chiếu đến, khiến chúng sanh trong cõi tăm toi ấy được nhìn thấy nhau và biết mình đang ở chỗ nào. Ánh sáng đó soi đến cung điện Ma vương, chư Thiên, Đế-thích, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sanh khác đều được ánh sáng lớn đó phủ khắp, đong thời ánh sáng của chư thiên tự nhiên tắt mất. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Mây dày phủ khắp trời, Ánh chớp sáng muôn nơi, Tỳ-bà-thi giáng thế, Muôn phương cùng sáng ngời. Nơi trời trăng không chiếu, Được hưởng ánh sáng này, Thụ thai tinh, an vui, Pháp chư Phật đều vậy. Này các Tỳ-kheo! Nên biết thường pháp của chư Phật như vầy: Khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi ở trong thai mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, thường có bốn thiên

40 Tịnh Phạn Suddhodana. 41 Đại Thanh Tịnh Diệu ,Māyā. 42 Thường pháp Pháp cố định, nguyên tắc không đổi, là pháp tự nhiên, bản nhiên, như nhiên, như thị cua chư Phật.

thân tay câm mâu kích hộ vệ mẹ Ngài, khiên người hoặc những loài không thuộc loài người chẳng thể nhiễu hại, đó chính là thường pháp. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Bôn phương bôn thiên thân, Tiếng tăm, oai đức lớn, Do Đế-thích sai di, Đe hộ trì Bồ-tát. Tay luôn cầm mâu kích, Canh giữ không lơ là, Nhân, phi nhân tránh xa, Là thường pháp chư Phật. Thiên thần giữ cẩn mật, Như thiên nữ hầu trời, Quyến thuộc vui rạng ngời, Là thường pháp chư Phật. [0004al0] Lại nữa, khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, thân thể mẹ Ngài an ổn, không hề lo phiền, trí tuệ tăng trưởng. Bà tự thấy Bồ-tát ở trong thai các căn đầy đủ, sắc thân vàng tía không chút tỳ vét, giông như người có mát thây khôi lưu ly trong sạch, thâu suôt cả trong lân ngoài, không chút ngăn ngại. Này các Tỳ-kheo! Đây là thường pháp của chư Phật. Khi áy, The Ton noi kẹ rang: Như lưu ly sáng sạch, Lập lánh giữa trời trăng, Năng Nhân trong thai mẹ, Khiến mẹ chẳng nhọc nhằn. Tăng trưởng thêm trí tuệ, Thấy thai sắc vàng ròng, Mang thai, mẹ thong dong, Là thường pháp chư Phật. Lại nữa, khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, nên tâm mẹ Ngài thanh tinh, không có dục tưởng, không bi lửa dục thiêu đốt, đây là thường pháp của chư Phật. Khi áy, The Ton noi kẹ răng: Bồ-tát trụ thai mẹ, Do phước trời tạo nên, Tâm mẹ Ngài thuần tịnh, Dục tưởng bặt bóng hình. Lòng dục đã dứt hẳn, Không nhiễm, không gối chăn, Lửa dục hết nhóm nhen, Mẹ chư Phật thường

tịnh. Lại nữa, khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, mẹ Ngài vâng giữ năm giới, Phạm hạnh thanh tịnh, thuân tín nhân từ, thành tựu hạnh lành, an lạc tự tại, sau khi chét được sanh cõi trời Đao-lợi, đây là thường pháp của chư Phật. Khi áy, The Ton noi kẹ răng: Hoài thai đấng Đại Giác, Trì giới chẳng buông lơi, Mạng chung được thân trời, Gọi là mẹ của Phật. [0004006] Lại nữa, ngay lúc Bồ-tát Tỳ-bà-thi đản sanh từ hông phải của mẹ thì cõi đất rung động, ánh sáng chiếu khắp. Cũng như lúc Ngài mới nhập thai, chỗ tối tăm nhất cũng được ánh sáng ấy chiếu đến, đó là thường pháp của chư Phật.

498 « KINH TRƯỜNG A-HÀM

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ rằng: Đản sanh, đất rung chuyển, Ánh sáng chiếu muôn noi, Cõi này và cõi khác, Muôn phương rực sáng ngời. Phóng quang, ban mắt tịnh, Nhìn suốt đến thân trời, Tiếng hoan hỷ nhiệm mầu, Xưng niệm danh Bồ-tát. Lại nữa, khi Bô-tát Tỳ-bà-thi đản sanh từ hông phải của mẹ, chuyên niệm, không tán loạn. Ngay lúc ấy, mẹ Ngài tay vịn cành cây, dáng người khom nghiêng thì xuất hiện bốn thiên thần bưng nước thơm đứng trước bà, thưa: "Thua Phật mẫu, nay sanh Thánh tử, xin chớ âu lo!" Đây là thường pháp của chư Phật. yr 1 • Á r-pi Á rri /\ z • l A w Khi áy, Thê Tôn nói kẹ răng: Phật mẫu vừa nghiêng thân, Sanh Chí Tôn, tinh tấn, Trụ giới, tu Phạm hạnh, Được trời người kính hầu. Lại nữa, đương lúc Bô-tát Tỳ-bà-thi đản sanh từ hông phải của mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, thân Ngài thanh tịnh, không bi các chất ô uế làm dơ nhiễm. Giống như người mắt sáng lấy viên minh châu sạch đẹp đặt trên tấm lụa trắng, thấy hai thứ không làm bẩn nhau vì cả hai đều sáng sạch, Bồ-tát ra khỏi thai mẹ cũng như thế, đây là thường pháp của chư Phật. Khi áy, The Ton noi kẹ răng: Như minh châu sáng sạch, Chẳng vấy bẩn lụa là, Từ thai mẹ bước ra, Ngài thanh tinh, vô nhiễm. • ___ y

Lại nữa, ngay lúc Bô-tát Tỳ-bà-thi đản sanh từ hông phải của mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, bước chân xuống đất đi đúng bảy bước mà không cần người nâng đỡ, nhìn khắp bôn phương roi đưa tay lên nói răng: “Cả trên trời dưới đất, chỉ có Ta tôn quý, vì muốn độ chúng sanh, thoát sanh, già, bệnh, chết."43 Đây là thường pháp của chư Phật* Khi ay9 The Ton noi kẹ răng: Như sư tử sắp đi, Nhìn quanh khắp bốn hướng, Xuống đất cất bảy bước, Nhân Sư Tử44 cũng vậy. Như rồng chúa sắp bay, Nhìn quanh khắp bốn hướng, Xuống đất đi bảy bước, Đấng Nhân Long cũng vậy.

43 Nguyên tác:.Tham chiếu: D. 14: Aggohamasmi lokassa, jetthohamasmi lokassa, setthohamasmi lokassa, ayamantimā jāti, natthi dāni punabbhavo^ tỉ (Ta là bác tối thượng ở trên đời. Ta ỉa bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuoi cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa), HT. Thích Minh Châu dịch. 44 Nguyên tác: Nhân Sư Tử ().Đại trí độ luận (T25, 1509.7. 0111b07-08) giải thích: Giống như sư tử, trong những loài thú bốn chân đi lại một mình, không hề sợ hãi vì có thể nhiếp phục hết thảy. Đức Phạt cũng như Qiế, đối với 96 phái ngoại đạo, Ngai có the hàng phục tất cả mà không sợ hãi nên gọi là Nhân Sư Tử (ỷn).Xem thêm bài kệ cũng thuộc kinh này (0008c29-0009a01): Như sư tử tại lâm, tự tứ nhi du hành, bỉ Phật diệc

như thị, du hành vô quái ngại (

l.KINH ĐẠI BỒN 499

Lưỡng Túc Tôn đản sanh, Đi bảy bước an lành, Nhìn bốn phương và nói, Sẽ dứt khổ tử sanh. Ngay lúc mới sanh ra, Đã không ai sánh kịp, Gốc tử sanh thấu triệt, Thân này thân cuôi cùng. [0004c 12] Lại nữa, lúc Bồ-tát Tỳ-bà-thi đản sanh từ hông phải của mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, liền có hai dòng suối một ấm và một mát tuôn ra tắm gội Bồ-tát, đây là thường pháp của chư Phật. Khi ấy, Thế Tôn nói kệ rằng: Lưỡng Túc Tôn đản sanh, Hai dòng suối tự tuôn, Đe cúng dường Bồ-tát, Tắm gội sạch thân Ngài. Hai suối tự tuôn trào, Nước lắng trong xanh ngát, Dòng ấm và dòng mát, Tăm gọi đang Từ Ton. [0004c20] Lúc thái tử được sanh ra, phụ vương Bàn-đầu liền cho mời các thầy tướng và các đạo sĩ đến xem tướng thái tử để biết điềm tốt xấu. Bấy giờ, các thầy tướng vâng lệnh, trước tiên xin cởi áo thái tử ra để xem kỹ các tướng rồi đoán rằng, người có tướng như thế này sẽ theo hai con đường, chắc chắn không sai: Nếu tại gia sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, trị vì bốn châu thiên hạ, đủ bôn đạo quân binh, dùng Chánh pháp trị dân, không đê oan sai, thi ân khắp thiên hạ5 bảy báu tự nhiên đến, có rất nhiều người con dũng mãnh, có thể hàng phục giặc thù bên ngoài, không cần đến đao binh mà thiên hạ vẫn thái bình, còn nếu xuất gia học đạo sẽ thành bậc Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Sau khi luận đoán xong, các vi ây liên thưa với vua: "Thái tử có đủ ba mươi hai tướng, sẽ theo hai đường, quyêt chác không sai: Nêu tại gia sẽ làm Chuyên Luân Thánh Vương, nếu xuất gia sẽ thành bậc Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu?9 Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Tướng sư xem thái tử, Có trăm phước, vừa sanh, Như sách xưa ghi lại, Theo hai đường rành rành. Nếu ở trong đời này, Làm Thánh vương thiên hạ, Được bảy báu hiếm thấy, Chúng tự tìm đến vua. Bánh xe báu ngàn căm, Xung quanh vàng ròng bọc, Và có thể bay khắp, Nên gọi bánh xe trời. Voi bảy ngà như tuyết, Thuân thục, cao lớn thay, Bay giữa trời không ngại, Voi báu hiếm thứ hai. Ngựa phi khắp thiên hạ, Sớm đi, chiều về ăn, Lông đỏ, bờm khổng tước, Đó là báu thứ ba. Ngọc lưu ly trong sáng, Tỏa chiếu một do-tuần, Khiên đêm sáng như ngày, Gọi là báu thứ tư. Sắc, thanh, hương, vi, xúc, Thượng diệu, hiếm tuyệt trần, Bậc nhất hàng nữ nhân, Đó là báu thứ năm.

500 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Vật trân quý dâng vua, Lưu ly, ngọc, châu báu, Hoan hỷ mà tiến dâng, Gọi là báu thứ sáu. Theo ý Chuyển Luân Vương, Binh lính nhanh, dũng mãnh, Tiến thoái rất thuần thành, Gọi là báu thứ bảy. Đây là bảy thứ báu, Bánh xe, voi, ngựa trắng, Cư sĩ, nữ báu, châu, Binh như ý là bảy. Nhìn ngắm không nhàm chán, Năm dục thường vui theo, Như voi bứt dây deo, Xuất gia thành Chánh Giác. Vua có con như vậy, Đấng Phước Trí uy hùng, Chuyển pháp luân độ thế, Đạo thành, không buông lung. [0005a26] Lúc ấy, vua cha ba lần ân cần hỏi các thầy tướng: "Các thầy hãy xem lại ba mươi hai tướng của thái tử, đó là những tướng gi?" Các thầy tướng liền khoác áo lại cho thái tử, rồi kể ba mươi hai tướng: Một là tướng bàn chân đầy đặn bằng phẳng, đi đứng vững vàng. Hai là tướng lòng bàn chân có tướng bánh xe báu ngàn căm, tỏa sáng lấp lánh. Ba là tướng có màng lưới mỏng giữa kẽ tay, kẽ chân như loài ngỗng chúa. Bôn là tướng tay chân mem mại như áo trời. Năm là tướng ngón tay, ngón chân thon dài, không ai đẹp bằng. Sáu là

tướng gót chân đầy đặn, nhìn không thấy chán. Bảy là tướng ông chân thon dài như chân loài nai. Tám là tướng các khớp xương móc lấy nhau như sợi dây xh. Chín là tướng có mã âm tàng.45 Mười là tướng khi đứng thẳng, tay duỗi dài quá gối. Mười một là tướng mỗi lỗ chân lông có một sợi lông, mỗi sợi lông đều xoáy quanh về bên phải, sắc lông như lưu ly xanh biếc pha đỏ hồng. Mười hai là tướng lông mọc uôn cong vê bên phải, màu lông xanh hông. Mười ba là tướng sắc thân như màu vàng ròng. Mười bốn là tướng da thịt min màng, không dính bụi nhơ. Mười lăm là tướng hai vai ngang băng, đây đặn, tròn đẹp. Mười sáu là tướng giữa ngực có chữ Vạn.46 Mười bảy là tướng thân cao gấp đôi người thường. Mười tám là tướng bảy lỗ trong người đầy đặn. Mười chín là tướng thân thể cao, to như cây Ni-câu-loại.

45 Âm mã tàng ,kosohita vattā còn gọi "mỗi âm tang?„“thế phong''.Nam căn của Phật không hiện ra ngoài. 46 Vạn tự Hī S. svảstika} p. svatthịkă, đó là tướng kiết tường trong tín niệm Ấn Độ và của nhiều nước trên thế giới. Đại sư La-thập, Huyền Trang dịch là Đức tự còn Ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch là Vạn tự .

l.KINH ĐẠI BỔN^ 501

Hai mươi là tướng hai má như má sư tử. Hai mươi mốt là tướng ngực vuông đầy như ngực sư tử. Hai mươi hai là tướng có bốn mươi chiếc răng. Hai mươi ba là tướng răng mọc ngay ngắn, đều đặn. Hai mươi bốn là tướng răng khít không hở. Hai mươi lăm là tướng răng trắng sạch, sáng bóng. Hai mươi sáu là tướng yết hầu thanh sạch, ăn thức ăn gì cũng hợp. Hai mươi bảy là tướng lưỡi rộng dài, liếm đến mép tai. Hai mươi tám là tướng tiếng nói trong trẻo như tiếng Phạm thiên. Hai mươi chín là tướng mắt màu xanh hồng. Ba mươi là tướng mắt như mắt bò chúa,4748 hai mí rõ ràng. Ba mươi môt là tướng có lông trăng mem mại thanh mảnh giữa hai chân mày, nếu kéo ra thì được một tầm,48 còn thả thì nó xoắn tròn về bên phải theo hình trôn ốc như trân châu. Ba mươi hai là tướng trên đỉnh đầu có nhục kế.49 Các thầy tướng liền nói kệ rằng: Chân mềm mại, đứng vững, Đi chẳng lấm bụi trần, Nơi dấu chân hiển tướng, Ngàn căm sắc sáng ngần. Thân cao rộng thăng ngay, Như cây Ni-câu-loại, Chưa ai từng có tướng, Như Phật, mã am tàng. Thân trang nghiêm sắc vàng, Các tướng chiếu soi nhau, Da thịt như người tục, Nhưng bụi không bám vào. Như sắc trời mịn mượt, Lọng ươi tự nhiên che, Thân vàng tía, tiếng trong, Như hoa nhô khỏi nước. Vua bèn hỏi thầy tướng, Thây tướng cung kính tâu, Xưng tán tướng Bồ-tát, Thân tỏa sáng muôn màu. Tay chân các gân, khớp, Trong ngoài đều hiện ra, Ăn gì cũng thích hợp, Thân ngay ngăn chỉnh tê. Bánh xe lòng bàn chân, Phát tiếng ngân hòa nhã,50 Tướng bắp chân thon gọn, Phước đời trước mà ra. Khuỷu tay đẹp, đầy đặn, Mày mát rát đoan nghiêm, Tướng Đạo sư thật hiếm, Oai lực chẳng ai bằng.

47 Nguyên tác:.Tham chiếu: D. 14: Gopakhumo lông mi con bò cái. 48 Nhất tầm Đơn vị đo độ dài thời cổ ở Trung Quốc. Theo Thuyết văn một tầm dài khoảng 2 cánh tay. 49 Nhục kếunhīsasīsāf. Theo Phiên dịch danh nghĩa tập T.54. 2Í31.5. Il38a25, trên đỉnh đầu Phật nổi lên khối thịt như hình búi tóc gọi là unhục k&.” 50 Túc hạ luân tướng hiện, kỳ âm như ai loan ,.Đặc tả

dưới_bàn chân Ngài có hình pháp luân nên mỗi bước chân phát ra âm thanh như tiếng chim Ca-lăng-tần-già Kalaviñka.

502 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Hai má đều đầy đặn, Như sư tử nằm nghiêng, Bôn mươi răng trăng khít, Không kẽ hở, phẳng bằng. Tiếng Phạm âm hiếm c6, Vang xa gần tùy duyên, Thân đứng vững chẳng nghiêng. Hai tay duỗi quá gối. Râu tóc đều mềm mượt, Đủ tướng tốt đoan nghiêm, Mỗi lỗ mỗi sợi lông, Tay chân có màng mỏng. Nhục kế, mắt xanh hồng, Hai mí mắt cân đối, Vai đầy dặn, thon tròn, Đủ ba hai tướng tót. Gót chân không cao thấp, Đùi thon như đùi nai, Đấng Thế Tôn xuất thế, Tựa voi bứt dây đeo. Khiến người khổ hết theo, Khỏi sanh, già, bệnh, chết, Phật vận tâm từ bi, Thuyết giảng bốn chân đế, Diễn bày nghĩa các pháp, Khiến người kính, theo về. [0005C19] Này các Tỳ-kheo! Lúc Bồ-tát Tỳ-bà-thi đản sanh, chư thiên ở giữa hư không cầm lọng trắng, quạt báu để ngăn che lạnh nóng, gió mưa và bụi bặm cho Ngài. Khi ấy, Phật nói kệ ràng: Cõi người thật hiếm có, Lưỡng Túc Tôn ra đời, Được chư thiên kính dưỡng, Dâng quạt báu, lọng trời. Sau d6, vua cha ban cho bốn nhũ mẫu để nuôi dưỡng thái tử: Một, cho bú . : g jF r \ mớm; hai, lo tăm rửa; ba, bôi hương thơm; và bôn, cùng vui đùa. Tát cả họ đêu hoan hỷ, cần mẫn dưỡng nuôi Ngài, do vậy nên có kệ rằng: Lúc Ngài mới chào đời, Nhũ mẫu cực thương yêu, Người bú mớm, người tắm, Người thoa phấn, vui choi, Hương thơm nhất trong đời, Thoa khắp thân thái tử. [OOOóaOl] Lại nữa, lúc thái tử còn thơ bé? gái trai cả nước ngắm hoài không A

chán, do vậy nên có kệ răng: Được nhiều người kính mến, Như tượng vàng mới thành, Trai gái đều thích nhìn, Ngắm hoài không thấy chán. Lại nữa, lúc Ngài còn thơ bé, mọi người đêu thích ăm bông như ngăm hoa báu, do vậy nên có kệ rằng: Bậc Phước Trí chào dời, Được mọi người kính mên, Ảm bồng mãi không rời, Như nâng niu hoa quý. Bồ-tát lúc đản sanh, mắt không hề nháy động, giống mắt trời Đao-lợi. Do mắt không nháy động nên Ngài có hiệu Tỳ-bà-thi, do vậy nên có kệ rằng: Mắt Ngài không nháy động, Như Đao-lợi chư thiên, Nhìn sắc mà chánh quán, Nên hiệu Tỳ-bà-thi. LÚC Bô-tát ra đời, tiêng nói trong trẻo, êm diu, hòa nhã như tiêng chim Ca- lăng-tân-già, do vậy nên có kệ răng:

l.KINH ĐẠI BỔN« 503

Chim núi Tuyết hút mật, Hót tiếng trong, ngân vang, Tiêng Đạo sư thê gian, Cũng trong, ngân như thê. Lại nữa, lúc Bồ-tát mới được sanh ra, mắt Ngài có thể nhìn thấy xa cả một y y do-tuân, do vậy nên có kệ răng: Mắt Bồ-tát nhìn thấy, Xa khắp một do-tuần, Quả thanh tinh tròn dầy, Mới được quang minh ấy. Lúc tuổi vừa mới lớn, Bồ-tát ở tại Thiên Chánh đường và dùng đạo khai hóa, ban ân đến thứ dân, danh đức được vang xa, do vậy nên có kệ rằng: Thơ âu, tại điện đường, Đem đạo dạy bôn phương, Quyết đoán việc Thánh thượng, Nên hiệu Tỳ-bà-thi. Trí thanh tịnh cao rộng, Như biển lớn thẳm sâu, Khiên người hoan hỷ nhau, Nên trí tuệ tăng trưởng. Một hôm, Bồ-tát muốn ra ngoài ngắm cảnh, liền bảo quân hầu sửa soạn xe báu để đến hoa viên.51 Sau khi chuẩn bi xong, quân hầu thưa với thái tử: "Nay thật đúng lúc!y Thái tử liền ngồi len xe

báu du hành đến hoa viên. Giữa đường, Ngài trông thấy một người già, đầu bạc, răng rụng, mặt nhăn, limg còng, run rẩy chống gậy, vừa đi vừa thở mệt nhọc. Thái tử quay lại hỏi quân hầu: —Đây là người gì? Đáp: Đó là người già. Thái tử lại hỏi: —Thế nào là già? Thưa: Người già thì tuổi thọ sắp hết, mạng sống tồn tại chẳng được bao lâu nữa nên gọi là già! Ta đây rồi cũng như thế, không tránh được nạn này chăng? Thưa vâng! Lớn lên thì phải già đi, ai cũng như ai, bất kể sang hèn. Nghe xong, thái tử cảm thấy không vui, liền bảo quân hầu đánh xe quay về cung roi ngôi lặng lẽ suy tư vê nôi khô già mà chính Ngài roi cũng sẽ chịu như thế. Nhân đó, Phật nói kệ ràng: Nhìn mạng già sắp chết, Chống gậy run rẩy đi, Bồ-tát tự thầm nghi, Ta chưa thoát nạn này. [0006b09] Bấy giờ, vua cha hỏi quân hầu: Thái tử ra ngoài dạo chơi có vui không? Quân hầu đáp: Thưa ngài, thái tử không vui.

51 Nguyên tác: Viên lâm Uyyānabhumi.

504 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Vì sao vậy? Thưa, vì trên đường đi thái tử thây một người già nên không vui. Nghe vậy, vua cha thầm nghĩ: "Ngày trước, các thầy tướng tiên đoán thái tử sẽ xuất gia, nay không được vui, han đúng như vậy sao? Ta phải tìm mọi cách giữ thái tử lại thâm cung, cho thụ hưởng năm thứ dục lạc, làm thỏa lòng thái tử để khỏi xuất gia nữa.,, Nghĩ xong, nhà vua liền hạ lệnh trang hoàng cung điện, tuyển chọn mỹ nữ mong làm hài lòng thái tử. Nhân đó, Phật nói kệ rằng: Vua cha nghe nói vậy, Cho trang trí hoàng cung, Bày thêm năm thứ dục, Muốn Ngài không xuất gia. Một thời gian sau, thái tử bảo quân hầu đánh xe ra ngoài dạo chơi. Giữa đường, N^ài thấy một người thân gầy? bụng trướng, mặt mày đen sạm, nằm trên chỗ dơ uế khiến không ai dám nhìn, người ấy bệnh tình trầm trọng, không thể mở miệng nói. Thấy vậy, thái tử quay lại hỏi quân hầu: Đây là người gì? Đáp: -Thưa Ngài, đây là người bệnh. Bệnh là thế nào? Thưa, là chịu nhiều đau đớn bức bách, không biết chết lúc nào nên gọi là bệnh! Thái tử lại hỏi: - Ta cũng sẽ giống như thế, không thoát được ư? Thưa phải, có sanh thì có bệnh, bất kể sang hèn.

Thê là thái tử cảm thây không vui, liên bảo quân hâu đánh xe hôi cung, ngôi lặng lẽ suy tư về nỗi khổ bệnh tật mà chính Ngài rồi cũng sẽ chiu như thế. Nhân đó, Phật nói kệ rằng: Thấy người bệnh nặng kia, Dung nhan đã tiều tụy, Ngài trầm ngâm suy nghĩ, Ta chưa thoát nạn này. Bấy giờ, vua cha lại hỏi quân hầu: Thái tử ra ngoài dạo chơi có vui không? Quân hầu đáp: Thưa, không vui. Vì sao vậy? Thưa, vì giữa đường gặp một người bệnh nên thái tử không vui. Nghe vậy, vua cha thầm nghĩ: “Ngày trước, các thầy tướng tiên đoán thái tử sẽ xuất gia, nay không được vui, hẳn đúng như vậy sao? Ta nay phải tăng thêm kỹ nhạc để làm đẹp lòng, khiến thái tử không xuất gia." Thế rồi, nhà vua hạ lệnh trang hoàng cung cấm, tuyển chọn mỹ nữ để làm đẹp lòng thái tử. Nhân đó, Phật nói kệ rằng:

l.KINH ĐẠI BỔN e 505

Sắc, thanh, hương, vị, xúc, Kỳ diệu, đáng ham ưa, Bô-tát phước vôn thừa, Được hoan ca thụ hưởng. [0006c09] Lại một lần khác, thái tử bảo quân hầu trang hoàng xa giá xuất thành dạo chơi. Giữa đường, Ngài gặp một người chét, phía trước cờ phướn đủ màu

dẫn đường, phía sau dòng họ thân quyến than khóc tiễn đưa ra ngoài thành. Thấy vậy, thái tử hỏi: Đây là người gì? Quân hầu đáp: Đây là người chết. Chết là thế nào? Chết là hết, tắt thở trước, lạnh người sau, các căn tan hoại, kẻ còn người mất đôi đường, gia đình ly biệt, gọi đó là chết! Thái tử lại hỏi: - Ta cũng sẽ như thế, không thoát được ư? Quân hầu đáp: Thưa, có sanh ắt sẽ có chết, bất luận người sang kẻ hèn.

Nghe vậy, thái tử cảm thấy không vui, liền bảo quân hầu quay xe hồi cung rồi ngồi lặng lẽ suy tư về nỗi khổ của sự chết mà chính mình cũng sẽ như thế. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Vừa trông thấy người chết, Biết họ còn tái sanh, Ngài thầm lặng nghĩ mình, vẫn chưa thoát khổ ấy. Bấy giờ, vua cha lại hỏi quân hầu: —Lần này thái tử dạo chơi có vui không? -Thưa, không vui. Vì sao vậy? Thưa, vì giữa đường gặp một người chét nên thái tử không vui. Nghe vậy, vua cha thầm nghĩ: “Ngày trước, các thầy tướng tiên đoán thái tử sẽ xuất gia, nay không được vui, hẳn đúng như vậy sao? Ta phải tìm cách bày thêm trò vui, tăng thêm kỹ nhạc để làm đẹp lòng, khiến thái tử không xuất gia." Thế rồi, nhà vua hạ lệnh trang hoàng cung cấm, tuyển chọn mỹ nữ để làm đẹp lòng thái tử. Nhân đó, Phật nói kệ rằng: Tuổi thơ đã nổi tiếng, Thể nữ vây quanh mình, Vui năm dục mặc tinh, Như Đế-thích hưởng dục. [0007a01] Lại một lần khác, thái tử bảo quân hầu sửa soạn xa giá ra ngoài dạo chơi. Giữa đường, thấy một Sa-môn đắp y ôm bát, bước đi trang nghiêm, Ngài bèn hỏi quân hầu: Đó là người gì?

ĐÓ là một vị Sa-môn. Sao gọi là Sa-môn? Là người xa lìa ân ái, xuất gia tu đạo, chế ngự các căn, không nhiễm dục lạc, từ bi với tất cả, không làm tổn hại ai, gặp khổ không buồn lo, thấy vui không mừng rỡ, nhẫn nại như mặt đất nên gọi Sa-môn. -Lành thay! Đó là đạo chân chánh, dứt hẳn trần lụy, chỉ lấy sự thanh tịnh vi diệu làm vui. Ngài liền sai quân hàu đánh xe lại gần rồi hỏi Sa-môn: Cạo bỏ râu tóc, đăp y ôm bát như thê, ông muôn câu điêu gì? Sa-môn đáp: Phàm người xuất gia, chỉ muốn điều phục tâm ý, xa lìa trần cấu, thương cứu quần sanh, không nhiễu hại ai, giữ lòng rỗng lặng, chuyên tâm tu đạo. Thái tử khen: -Lành thay! Đạo này rất chân chánh. Ngài liền bảo quân hầu: Hãy đem y phục, trang sức và xe báu của ta vê trao lại cho phụ vương, còn ta ở đây cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Tại sao thế? Vì ta muốn điều phục tâm ý? xả ly trần cấu, giữ mình thanh tinh để cầu chánh đạo. Thê là, quân hâu liên đem xa giá và y phục của thái tử vê tâu lại với vua cha. Sau đó, thái tử cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nhân thấy người già, người bệnh, thái tử liền biết cõi đời là khổ não; nhân thấy người chết nên lòng tham luyến thế gian tiêu tan và khi nhìn thấy vi Sa-môn thì tâm ý bỗng rỗng rang giác ngộ. Khi thái tử bước xuống xe báu, mỗi bước chân Ngài đi là mỗi bước rời xa bao trói buộc, đó quả là chân thật xuất gia, chân thật xa lia.” Bấy giờ, nhân dân trong nước nghe tin thái tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu đạo, họ nói với nhau răng: "Đạo này ăt chân chánh mới có thê làm cho thái tử từ bỏ vương vi vinh hoa và mọi sự trọng vọng như vay." The là, có đen tám mươi bốn ngàn người trong nước đến với thái tử, xin làm đệ tử, xuất gia tu đạo. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Tìm được pháp thâm diệu, Người nghe, theo xuất gia, Ngục ân ái lìa xa, Dứt mọi sự trói buộc. Thái tử liền thâu nhận họ, cho họ đi theo, giáo hóa khắp nơi,

từ thôn này đến thôn khác, từ nước này sang nước kia, nơi nào Ngài đặt chân đến cũng được nhiều người cung kính cúng dường bốn thứ cần dùng. Bồ-tát nghĩ: “Ta cùng đại chúng du hành qua nhiều nước, chốn nhân gian ôn ào, chăng thích hợp với Ta. Đên khi nào Ta mới xa lìa hội chúng này, ở nơi thanh văng đê tìm câu chánh đạo, được thỏa chí nguyện, đên chô thanh văng

1. KINH ĐẠI BỒN^ 507

chuyên tinh tu dạo?" Ngài lại nghĩ: "Chúng sanh thật đáng thương, thường ở trong tăm tôi, mang lâyr tâm thân nguy khôn, đủ các r thứ khô não, nào sanh, nào già, nào bệnh, nào chét. Họ chét đây sanh kia, chét kia sanh đây, cứ duyên theo khổ ấm này mà trôi nổi, không bao giờ cùng. Biết đến khi nào Ta mới thấu rõ khổ ấm và chấm dứt sanh, già, bệnh, chết?” [0007007] Rồi Ngài lại nghĩ: "Sanh tử từ đâu, do đâu mà c6?" Thầm hỏi như thê roi, Ngài liên dùng trí tuệ quán sát nguyên do và thây răng: Do sanh mà có già chết, sanh là duyên của già chết; sanh từ hữu khởi, hữu là duyên của sanh; hữu từ thủ khởi, thủ là duyên của hữu; thủ từ ái khởi, ái là duyên của thủ; ái từ thọ khởi, thọ là duyên của ái; thọ từ xúc khởi, xúc là duyên của thọ; xúc từ lục nhập khởi, lục nhập là duyên của xúc; lục nhập từ danh sắc khởi, danh sắc là duyên của lục nhập; danh sắc từ thức khởi, thức là duyên của danh sắc; thức từ hành khởi, hành là duyên của thức; hành do vô minh mà khởi, vô minh là duyên của hành. Như vậy là, do duyên vô minh mà có hành, do duyên hành có thức, do duyên thức có danh sắc, do duyên danh sắc có lục nhập, do duyên lục nhập có xúc, do duyên xúc có thọ, do duyên thọ có ái, do duyên ái có thủ, do duyên thủ có hữu, do duyên hữu có sanh, do duyên sanh nên có già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Ám thân đầy dẫy khổ não này do duyên sanh mà c6, chính đó là sự tập khởi của khổ. Lúc Bồ-tát tư duy đến khổ tập52 liền phát sanh trí, phát sanh nhãn, phát sanh giác, phát sanh minh, phát sanh thông, phát sanh tuệ, phát sanh chứng ngộ. Rồi Bồ"tát lại tự nghĩ: "Do cái gì không có thì già chết không có? Do cái gì đoạn diệt thì già chết đoạn diet?" Ngài dùng trí tuệ quán sát nguyên nhân và thấy rằng: Do sanh không nên già chết không, do sanh diệt nên già chết diệt; do hữu không nên sanh không, do hữu diệt nên sanh diệt; do thủ không nên hữu không, do thủ diệt nên hữu diệt; do ái không nên thủ không, do ái diệt nên thủ diệt; do thọ không nên ái không, do thọ diệt nên ái diệt; do xúc không nên thọ không, do xúc diệt nên thọ diệt; do lục nhập không nên xúc không, do lục nhập diệt nên xúc diệt; do danh sắc không nên lục nhập không, do danh sắc diệt nên lục nhập diệt; do thức không nên danh sắc không, do thức diệt nên danh sắc diệt; do hành không nên thức không, do hành diệt nên thức diệt; do vô minh không nên hành không, do vô minh diệt nên hành diệt. Như vậy, vì vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già, chết, lo, buồn, khổ, não diệt. Lúc Bồ-tát tư duy đến Khổ diệt liền phát sanh trí, phát sanh nhãn, phát sanh giác, phát sanh minh, phát sanh thông, phát sanh tuệ, phát sanh chứng ngộ. Bấy

52 Nguyên tác: Khổ tập ấm .

giờ, Bồ-tát lại quán mười hai nhân duyên theo hai chiều thuận nghịch. Sau khi đã biết như thật, thấy như thật rồi, chính ngay lúc đó Ngài chứng thành đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.53 Khi ây, Phật nói kệ răng: Lời này dạy giữa chúng, Các ông khéo lắng nghe, Xưa Bồ-tát suy ngẫm, Pháp chưa từng được nghe. Già, chết do duyên gi, Do nhân gì mà có? Suy ngẫm, thấy như thật, Biết già, chết do sanh. Sanh vốn do duyên gì, Do nhân gì mà có? Tư duy như vậy roi, Biết sanh do hữu khởi. Chấp thủ, chấp thủ mãi, Hữu từ đó chất đầy, Cho nên, Như Lai dạy, Thủ là duyên của hữu. Như đống đồ bẩn nhơ, Gió thổi, mùi hôi bay, Cũng vậy, nhân của thủ, Do ái mà rộng dài. Ái do thọ mà sanh, Khởi gốc khổ buộc ràng, Do nhân duyên nhiễm trước, Khổ, lạc cùng tương ưng. Thọ vốn do duyên gì, Nhân gì mà có thọ? Tư duy như thế rồi, Biết thọ do xúc sanh. Xúc vốn do duyên gì, Nhân gì mà có xúc? Suy ngẫm và thấy ra, Xúc do lục nhập khởi. Lục nhập vốn duyên gì, Nhân gì có lục nhập? Suy ngẫm và thấy ra, Lục nhập, danh sắc khởi. Danh sắc vốn duyên gi, Nhân gì có danh sắc? Suy nghĩ như thế rồi, Danh sắc từ thức khởi. Thức vốn do duyên gì, Nhân gì mà có thức? Suy nghĩ như thế rồi, Biết thức từ hành khởi. Hành vốn do duyên gi, Nhân gì mà có hành? ' r Suy ngâm và thây ra, Hành do vô minh khởi. Nhân duyên như vậy đó, Mới đúng nghĩa nhân duyên, Băng phương tiện trí tuệ, Thay được gốc nhân duyên. Khổ không do Thánh tạo, Hết thảy có nguyên do, Khổ đổi thay, giày vò, Kẻ trí phải đoạn dứt. Nếu vô minh dứt sạch, Lúc đó không có hành, Nếu đã không có hành, Thì cũng không có thức. Nếu thức diệt vĩnh viễn, Thì danh sắc không còn, Danh sắc đã dứt rồi, Thì không có lục nhập. Nếu lục nhập diệt hẳn, Thì xúc cũng không còn,

53 Nguyên tác: A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bo-de^ ,Anuttarā sammāsambuddha. Đôi lúc được dịch âm như A-nậu-bồ-đề ,A-nậu-tam-bô-đề .Thuật ngữ này, bản Hán cũngdjch nghĩa là: Vô thượng Chánhbiến tri 1, V6 thượng Chánh đẳng Chánh giác ,Vô thượng Bồ-đê …chỉ cho sự giác ngộ viên mãn.

Nêu xúc đã tận trừ, Thì thọ cũng không có. Nếu thọ đã dừng rồi, Thì cũng không có ái, Nếu ái đã dứt rồi, Thì cũng không có thủ. Nếu thủ vĩnh viễn trừ, Thì cũng không còn hữu, Nấu hữu vĩnh viễn diệt, Thì cũng không có sanh. Nếu sanh vĩnh viễn diệt, Già, bệnh, khổ không còn, Hết thảy đều tận trừ, Đó là người trí nói. Mười hai duyên sâu xa, Khó thấy, khó hiểu biết, Chỉ Phật mới thấu rõ, Nhân gì có, gì không. Nếu thường tự quán sát, Thời không còn các nhập, Người thấu triệt nhân duyên, Không cầu thầy bên ngoài. Đối với ấm, giới, nhập, Ly dục, không nhiễm trước, Bậc kham mọi cúng dường, Xứng báo ân thí chủ. Nếu được bốn biện tài,5455 Thành tựu quyết đinh chứng/ Giải trừ mọi buộc ràng, Đoạn ấm, không phóng dật. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Giống như xe cũ mục, Thấy suốt được như đây, Thành bậc Chánh Đẳng Giác. Chim liệng giữa trời mây, Dọc ngang tùy hướng gió, Bồ-tát đoạn kiết sử, Như trước gió áo bay. Nơi trú xứ tịch tinh, Tỳ-bà-thi quán pháp, Già chết duyên gì có, Do đâu mà chẳng còn? Ngài quán như vậy rồi, Sanh trí tuệ thanh tịnh, Biết già chết do sanh, Sanh diệt, già chết diệt.

[0008b07] Này các Tỳ-kheo! Lúc Phật Tỳ-bà-thi mới thành đạo, Ngài tu hai pháp quán, đó là quán an ổn và quán xuất ly. Nhân đó, Phật nói kệ rằng: Như Lai, bậc Tối Thượng, Thường tu hai pháp quán, An ổn và xuất ly, Đại Tiên sang bờ giác. Tâm Ngài được an nhiên, Diệt trừ các kiết sử, Lên núi nhìn bốn hướng, Nên hiệu Tỳ-bà-thi. Ánh sáng trí xua tối, Rõ như tự soi gương, Diệt ưu não đời thường, Hết khổ, sanh, già, chết. ở nơi nhàn tịnh; đức Phật Tỳ-bà-thi lại nghĩ: "Ta nay đã chứng được pháp vô thượng nhiệm mầu sâu xa, khó hiểu khó thấy, . tịch tĩnh thanh tinh, , người trí mới biết, chẳng phải điều mà kẻ phàm phu ngu tối có thể hiểu được. Do chúng

54 Tài năng giảng thuyết pháp nghĩa, phân làm 4 loại: Pháp biện,nghĩa biện ,từ biện và ứng biền íèW. 55 Nguyên tác: Quyết định chứng ,đồng nghĩa với uQuyết định thuyết".Một khi đã có được 4 biện tài thì cũng thành tựu khả năng thuyêt pháp chác thật. Theo Thế gian kỉnh ro l. 0026.137. 0645b12: Đức Như Lai, kể từ đêm thành đạo Vô thượng Chánh giác cho đến đêm nhập Vô dự Niết-bàn, trong ídioảng trung gian đó, những gì được nói chính từ miệng Như Lai, những gì được đối đáp bởi chính Như Lai, tất cả những điều ấy đêu chắc thật, không trống rông, đúng như thật, không điên đảo.

sanh có sự tín nhận khác nhau, thấy biết khác nhau, chấp thủ khác nhau, tu học khác nhau;56 theo sự khác nhau đó nên mỗi người chỉ thích điều mình mong cầu, làm theo sở thích của mình, cho nên đối với lý nhân duyên sâu xa này họ không thể nào hiểu được, huống gì cảnh giới Niết-bàn dứt sạch tham ái lại càng khó hiểu gấp bội đoi với họ! Nêu Ta giảng nói, họ ắt không hiểu, lại sanh tâm chê bai." Suy nghĩ như thế rồi, Ngài ngồi im lặng, không muốn thuyết pháp. Lúc ấy, biết được tâm niệm của đức Phật Tỳ-bà-thi, Phạm thiên vương liền nghĩ: “Nay thế gian này sẽ bị sụp đổ, thật đáng thương xót. Vì sao? Vì đức Phật Tỳ-bà-thi mới chứng ngộ pháp sâu xa như thế mà không muốn giảng thuyết.^, Thế rồi, trong khoảnh khắc bang thời gian lực sĩ co duỗi cánh tay, Phạm thiên vương từ cõi trời bỗng nhiên hiện xuốn^ trước Phật, cung kính đảnh lễ, đứng sang một bên, quỳ gối phải chấm đất, chắp tay bạch Phật: -Ngưỡng mong Thê Tôn thuận thời thuyêt pháp, chúng sanh hiện nay nghiệp chướng đã mỏng, các căn bén nhạy, có lòng cung kính, dễ dàng khai hóa, họ đã sợ những tội lỗi không ai cứu nổi trong tương lai, biết diệt trừ điều ác, sanh khởi điều lành. [0008c01] Phật bảo Phạm vương: Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông đã nói nhưng Ta ở nơi thanh vắng, thầm lặng suy nghĩ: "Chánh pháp Ta vừa chứng được thậm thâm vi diệu, nếu đem nói cho chúng sanh, ắt họ không hiểu, lại còn sanh tâm chê bai nên Ta im lặng, không muốn thuyết pháp. Hơn nữa, từ vô số a-tăng-kỳ kiếp Ta siêng năng khổ nhọc, tu hạnh cao xa, nay mới chứng được pháp khó chứng này. Nếu vì những chúng sanh đầy tham, sân, si57 mà thuyết pháp, ắt họ không chấp nhận thì quả thật phí công vô ích. Pháp này vi diệu, trái ngược pháp the gian, chúng sanh bi dục nhiễm, bị vô minh che lấp, nên không thể nào tin hiểu duve." Này Phạm vương! Ta thây như vậy, cho nên im lặng, không muôn thuyêt pháp. 1 B 19 -l *1 X Ấ Ầ 1 • X J. l LÚC ây, Phạm thiên vương lại thưa thỉnh lân nữa, ân cân tha thiêt đên lân thứ ba: Bạch Thế Tôn! Nếu Ngài

không thuyết pháp thì thế gian này sớm sẽ sụp đổ, thật đáng thương xót. Ngưỡng mong Thế Tôn thuận thời giảng pháp, đừng để chúng sanh đọa lạc đường kho. Nghe Phạm vương ba lần cầu thỉnh tha thiết như thế, Phật Tỳ-bà-thi liền dùng Phật nhãn xem xét thế gian, thấy sự ô nhiễm của chúng sanh có dày, có mỏng; căn tánh của chúng sanh có nhanh, có chậm; có người dễ giáo hóa, có kẻ khó chỉ bày. Hạng người dễ thọ giáo thì biết sợ tội lỗi về sau, nên siêng năng diệt điều ác, phát sanh điều lành. Ví như hoa sen xanh, sen đỏ5 sen vàng, sen

56 Nguyên tác: Dị nhẫnT dị kiến, dị thọ, dị học (,,).Dị nhẫn: Niềm tin khác (aññakhantikena). Dị kiến: Kiến giải khác (aññaditthikena)^} thọ: Thủ chấp khác {aññarucikena). Dị học: Sự tu học (aññatrāyogena). Bố-tra-bà-iấu kinh (roi. 0001.17. 0110c28) ghi: (dị kiến, dị tập, dị nhẫn, dị thọ, y di pháp). 57
Nguyên tác: Dâm ()n()si ().

trắng, có loại ra khỏi bùn nhưng chưa lên đến mặt nước, có loại đã ra khỏi bùn lên ngang mặt nước, hoặc có loại đã vươn khỏi mặt nước nhưng chưa nở, song chúng đều không bị dính bùn nhơ và sẽ dễ dàng nở ra. Chúng sanh ở the gian này cũng lại như thế. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Phạm vương rằng: Ta thương các ông nên nay sẽ mở bày pháp môn cam lộ,58 là pháp nhiệm mầu khó hiểu khó biết. Ta vì hạng người tin thọ, thích nghe mà nói, chứ không phải vì những kẻ chê bai vô ích. Phạm vương biêt Phật đã nhận lời câu thỉnh nên phân khởi vô cùng, nhiêu quanh Phật ba vòng, cung kính đảnh lễ sát chân Phật rồi bỗng nhiên ẩn mất. Phạm vương đi chưa bao lâu, Thế Tôn lại im lặng suy nghĩ: "Trước tiên Ta sẽ thuyết pháp cho ai? Ta hãy vào trong thành Bàn-đâu, trước hết mở cánh cửa cam lộ cho Vương tử Đề-xá và con đại thần là Khiên-trà.,, Thế rồi, bằng thời gian lực sĩ co duỗi cánh tay, đức Thế Tôn bỗng biến mất khỏi Đạo thọ,59 đến thành Bàn-đầu, vào trong vườn Lộc Dã của Vua Bàn-đầu, rồi trải tọa cụ ngồi. Nhân đó? Phật nói kệ rằng: Như sư tử trong rừng, Tự thong dong đi lại, Bậc Thiện Thệ Như Lai, Đen đi không chướng ngại. [0009a02] Bấy giờ9 đức Phật Tỳ-bà-thi bảo người giữ vườn: "ông hãy vào thành tâu với Vương tử Đê-xá và con đại thân là Khiên-trà răng: Các vị có biêt gì chưa? Đức Phật Tỳ-bà-thi đang ở trong vườn Lộc Dã, muốn gặp hai vị ngay lúc này.,, Người giữ vườn vâng lời, tìm đen hai vị ấy roi thuật lại những lời Phật dạy như trên. Nghe xong, họ liền đến chỗ Phật, cung kính cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Thế rồi, Phật lần lượt thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.60 Ngài giảnẹ về bố thí, trì giới, sanh thiên, chỉ rõ tham dục là bất tinh, lậu hoặc là tai họa, đông thời tán thán hạnh xuât ly là thanh tinh vi diệu bậc nhất cho họ nghe. Khi ấy, đức Thế Tôn nhận thấy hai người này tâm ý thuần thục, hoan hỷ tin nhận, có the lãnh thọ Chánh pháp nên Ngài liền dạy về khổ Thánh dế, chỉ bày cặn kẽ và giải thích rõ ràng về khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế và khổ xuất yếu Thánh đế.61 Lúc đó, Đề-xá và Khiên-trà vừa nghe xong liền được xa lìa phiền não, được pháp nhãn thanh tịnh, giống như tấm vải trắng rất dễ nhuộm màu.

58 Cam lộ pháp môn 8ÍẾ , Amatadvãrà'. Cánh cửa dẫn vào bất tử. 59 Đạo thọ còn gọi là Giác thọ ,Bồ-đề thọ ,chỉ cho loài cây lúc Bồ-tát thiền định và thành

tựu quả vị Phật. Mỗi vị Phật ngồi dưới mỗi loài cây khác nhau nhưng đều được gọi là Đạo thọ. 60 Nguyên tác: Thi, giáo, lợi, llý .Trung Ả-hàm ghi là khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ ,.Tạp A-hàm ghi là thị, giáo, chiêu, hỷ2^, Ngài Huyền Trang dịch cú ngữ này là thị hiện, giáo đạo, tán lệ, Idianh .Ngài Nghĩa Tịnh dịch là khai thị, khuyến đạo, tán lệ, khánh hỷ ,.Nghĩa là mở bày sandassetĩ, dạy bảo samddcỉpeti, khích lệ ,samuttejetī, khiên cho hoan hỷ , sampahamsetī. 61 Tức khổ đạo Thánh đế.

Bấy giờ? địa thần bỗng cất tiếng ngợi khen: "Đức Phật Tỳ-bà-thi tại vườn Lộc Dã trong thành Bàn-đầu đã chuyển pháp luân vô thượng. Sa-môn9 Bà-la- môn, chư thiên, Ma, Phạm và nhiều người khác không thể chuyển được như thế.” Tiếng nói ấy lần lượt vang đến cõi Tứ Thiên Vương, rồi đến cõi Tha Hóa Tự Tại và trong khoảnh khắc liền lên đến cõi Phạm thiên. Khi ấy, Phật nói kệ: Tâm hoan hỷ thâm sâu, Ngợi khen đức Thiện The, Tỵ-bà-thi thành Phật, Chuyển đại pháp nhiệm mầu. Bắt đầu từ Đạo thọ, Đi đến thành Bàn-đầu? Vì Khiên-trà, Đề-xá, Bốn Thánh đế truyền trao. Khiên-trà và Bềxá, Được Phật giáo hóa xong, r ở trong pháp thanh tinh, Đác Phạm hạnh tôi cao. Thiên chúng trời Bao-lọd, Cho đến Thiển Đế-thích, Vui mừng truyền tin nhau, Chư thiên đều nghe được. Phật thi hiện ở đời, Chuyển pháp luân vô thượng, Thiên chúng ngày một nhiều, A-tu-luân giảm thiểu. Đức Thế Tôn vang danh, Trí sáng lìa kiến chấp, Với các pháp thong dong, Vận trí chuyển đại pháp. Quán sát pháp bình đẳng, Tâm dứt sạch não phiền, Đe lìa ách sanh tử, Vận trí chuyển đại pháp. Diệt khổ, lìa pháp ác, Ly dục, được thong dong, Xa lìa ngục ái ân, Vận trí chuyển đại pháp. Bậc Chánh Giác cõi người, Điều Ngự, Lưỡng Túc Tôn, Giải thoát mọi ràng buộc, Vận trí chuyển đại pháp. Đạo sư khéo giáo hóa, Chế phục được oán ma, Mọi điều ác lìa xa, Vận trí chuyển đại pháp. Sức vô lậu dẹp ma, Các căn định, tinh tấn, Sạch lậu, lìa lưới tà, Vận trí chuyển đại pháp. Nếu học pháp quyết định, Biết các pháp rỗng rang, Pháp chẳng thể sánh ngang, Vận trí chuyển đại pháp. Không vì cầu lợi dưỡng, Cũng không màng hư danh, Chỉ vì thương chúng sanh, Vận trí chuyển đại pháp. Thấy chúng sanh khổ ách, Già, bệnh, chết bủa vây, Vì ba đường ác này, Vận trí chuyển đại pháp. Tham, sân, si đoạn tuyệt, Tát cạn nguôn ái ân, Bất động, thoát não phiền, Vận trí chuyển đại pháp. Thăng được việc khó thăng, Tự điều phục chính ta, Ma khó lòng vượt qua, Vận trí chuyển đại pháp. Pháp luân vô thượng này, Chỉ Phật mới chuyển được, Chư thiên, Ma, Thích, Phạm, Không ai có thể làm. Thân gần rồi thuyết giảng, Lợi ích chúng trời, người, Đạo sư của thê gian, Đã qua bên bờ giác.

[0009b26] Lúc ấy, Vương tử Đà-xá và con đại thần là Khiên-trà đã thấy pháp đắc quả, chân thật không dối, thành tựu vô úy9 liền bạch Phật Tỳ-bà-thi: Chúng con muốn ở trong giáo pháp của Như Lai tinh tu Phạm hạnh.

Phật dạy: Hãy đến đây, Tỳ"kheo! Pháp Ta thanh tịnh, tự tại, hãy tu hành để được giải thoát. Ngay lúc ấy, hai vị liền thành tựu giới Cụ túc. Họ đắc giới chưa bao lâu, Như Lai

lại thị hiện ba điều để giáo hóa: Một là thần thông, hai là quán xét tâm họ? ba là răn dạy, khiên họ liên chứng đăc Tâm vô lậu giải thoát, được trí sanh tử vô nghi.62 [0009c03] Bây giờ, trong thành Bàn-đâu nhiêu người nghe hai vị âyỉ xuất gia học đạo, đáp y ôm bát, tịnh tu Phạm hạnh, họ nói với nhau răng: "Đạo này ăt chân chánh mới khiến hai vị ấy từ bỏ vinh hoa cõi đời và mọi sự trọng vọng như V0' Thế là, có đến tám mươi bốn ngàn người vào vườn Lộc Dã, đến chỗ đức Phật, cung kính đảnh lễ, ngồi sang một bên. Đức Phật lần lượt thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ,63 giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên, chỉ rõ tham dục là bất tịnh, lậu hoặc là tai họa, đồng thời tán thán hạnh xuất ly là thanh tịnh vi diệu bậc nhất cho họ nghe. Sau đó, đức Thế Tôn nhận thấy tâm ý họ thuân thục, hoan hỷ tin nhận, có thê lãnh thọ Chánh pháp nên Ngài liên dạy về khổ Thánh đế, chỉ bày cặn kẽ và giải thích rõ ràng ve khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế và khổ xuất yếu Thánh đế. Lúc đó, ngay trong pháp hội, tám mươi bốn ngàn người ấy liền xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, giống như tấm vải trắng rất dễ nhuộm màu, họ thấy pháp đắc quả, chân thật không dối, thành tựu vô úy. Rồi họ bạch Phật: Chúng con muốn ở trong giáo pháp của Như Lai tịnh tu Phạm hạnh.

Phật dạy: Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Pháp Ta thanh tinh, tự tại, hãy tu hành để được giải thoát. Ngay lúc ấy, tám mươi bốn ngàn người liền thành tựu giới Cụ túc. Họ đắc giới chưa bao lâu, Như Lai lại thị hiện ba điều để giáo hóa: Một là thần thông, hai là quán xét tâm họ, ba là răn dạy, khiên họ liên đăc vô lậu tâm giải thoát, phát sanh trí vô nghi. Lúc đó, nghe Phật ở tại vườn Lộc Dã chuyển pháp luân vô thượng mà hàng Sa-môn, Bà-la-môn? chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và nhiều người trên đời này không thể chuyển được, lại có tám mươi bốn ngàn người khác liền đến chỗ Phật Tỳ-bà-thi trong thành Bàn-đầu? cung kính đảnh lễ Phật rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Phật nói kệ:

62 Nguyên tác: Sanh tử vô nghi trí :Trí thấy rõ sanh tử không còn nghi ngại. 63 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ .Xem chú thích 60 ở trên, tr. 511.

Như cứu lửa cháy đầu, Mau mau cầu tịch diệt, Các ông cân phải biêt, Mau tìm đên Như Lai. Thế rồi, đức Phật cũng thuyết pháp giáo hóa cho họ như trên. LÚC ây5 tại thành Bàn-đâu, trước mặt hội chúng Tỳ-kheo gôm một trăm sáu mươi tám ngàn người, hai Tỳ-kheo Đe-xá và Khiên-trà bay lên hư không, thân tuôn nước, lửa, hiện các thần thông rồi vì đại chúng thuyết pháp vi diệu. Bấy giờ, đức Phật tự nghĩ: “Nay tại thành này có đến một trăm sáu mươi tám ngàn vi Tỳ-kheo, Ta nên sai các thầy du hóa, mỗi nhóm hai vị đi đến khắp nơi, đúng sáu năm sau trở về thành này thuyết giới Cụ túc." [0010a03] Lúc đó, trời Thủ-đà-hội64 biết được tâm của Phật, trong khoảnh khắc bằng thời gian lực sĩ duỗi cánh tay, từ cõi trời Thủ-đà-hội bỗng hiện đến trước Như Lai, cúi lạy chân Phật, đứng sang một bên rồi thưa rằng: "Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Trong thành Bàn-đầu này có rất nhiều Tỳ-kheo, Ngài nên phân bố đi khắp nơi, đúng sáu năm trở về thuyết giới Cụ túc, con sẽ ủng hộ quý thầy, không để ai quấy phá." Nghe vị trời ấy nói vậy, đức Phật im lặng hứa khả. Biết Như Lai đã chấp thuận, vị trời ấy bèn đảnh lễ sát chân Phật rồi ẩn mất, trở về cung trời của mình. Không bao lâu sau, Phật bảo các

Tỳ-kheo: "Nay trong thành này chúng Tỳ-kheo rất đông nên phân bố du hóa khắp nơi, cứ đúng sáu năm sau vân tập về đây thuyết gi&i." Nghe xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đắp y ôm bát, chắp tay lễ Phật rồi ra đi. Khi ấy, Phật nói kệ: Thánh chúng tâm không loạn, Không dục, chăng luyên lưu, Uy tựa chim cánh vàng,65 Như hạc bỏ ao hoang. Một năm sau, trời Thủ-đà-hội nhắc các Tỳ-kheo: "Quý thầy du hóa đã được một năm, còn năm năm nữa, phải nhớ đúng sáu năm hãy trở về thành thuyết gi&i." Đúng sáu năm sau, vị trời ây lại nhác: "Sáu năm đã hêt? các thây hãy quay về thuyết gi&i" Nghe trời Thủ-đà-hội nhắc xong, các Tỳ-kheo bèn thu xếp y bát trở về thành Bàn-đầu, đến chỗ đức Phật Tỳ-bà-thi tại vườn Lộc Dã, cung kính đảnh lễ Phật rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Phật nói kệ: Như voi thuần dưỡng, Tùy ý đến di, Đại chúng luôn nghĩ, Vâng lời quay về. Bấy giờ, ở trước đại chúng, đức Như Lai bay lên hư không, ngồi thế kiết-già, giảng nói giới kinh: Nhẫn nhục là bậc nhất, Phật dạy Niết-bàn cao, Xuất gia hại người khác, Không xứng danh Sa-môn.

64 Thủ-đà-hội tức Thủ-đà-sa-bà Suddhāvāsā, Tịnh Cư thiên,,trú xứ của các Thánh giả Bất hoàn ,Anāgāmī. 65 Nguyên tác: Kim Si điểu GaruỊa.

Khi đó, trời Thủ-đà-hội đứng cách Phật không xa, liền dùng kệ tán thán: Như Lai đại trí, Vi diệu tối tôn, Chỉ, quán đầy đủ, Thành Tối Chánh Giác. Vì thương quần sanh, Thành đạo nơi đời, Đem bốn chân đế, Dạy hàng Thanh văn. Khổ và nhân khổ, Chân lý diệt khổ, M M Bát đạo Thánh hiền, Đưa đên an ôn. Phật Tỳ-bà-thi, Xuất hiện nơi đời, ở giữa đại chúng, Như ánh mặt trời. [0010b08] Nói xong bài kệ, vị trời bỗng nhiên ẩn mất. Bấy giờ, đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Ta nhớ trước kia, khi ở tại núi Kỳ-xà quật6667 thuộc thành La-duyệt, một hôm Ta khởi niệm suy nghi: "Chỗ Ta sanh ra, đâu đâu cũng có, chỉ trừ cõi trời Thủ-đà-hội. Nếu sanh ve cõi ấy thì không trở lại nơi day.^ Này các Tỳ-kheo! Lúc đó, Ta lại nghĩ: "Ta muốn đến cõi trời V6 Tạp.”67 Thế là, trong khoảnh khắc bằng thời gian tránệ sĩ co duỗi cánh tay, Ta liền ẩn ở đây mà hiện ở kia. Lúc đó, chư thiên thấy Ta đen, họ đều cúi đầu đảnh lễ, đứng sang một bên roi bạch rằng: "Chúng con đều là đệ tử của Phật Tỳ-bà-thi, nhờ Phật giáo hóa nên được sanh lên đẫyy Rồi chư thiên lại kể đầy đủ ngọn ngành nhân duyên của Phật Tỳ-bà- thi. Họ lại nói: "Các đức Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-bà, Phật Câu-lâu-tôn, Phật Câu-na-hàm và Phật Thích-ca Mâu-ni cũng đều là thầy của chúng con. Nhờ sự giáo hóa của các Ngài, chúng con mới được sanh về dây." Rồi họ cũng kể đầy đủ ngọn ngành nhân duyên của chư Phật. Cho đến chư thiên cõi ươi A-ca-ni- cũng kể với Ta như thế. trá6869 Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Ví như lực sĩ, Co duỗi cánh tay, Ta dùng thần túc, Lên trời Vô Tạo. Đức Phật thứ b y,6 Hàng nội ngoại ma, Trời Vố Nhiệt70 thấy, Kính lễ cúi đầu. Như cây Trú Độ,71 Tiếng đồn Thích Tôn,

66 Kỳ-xà quật Gijjhakūta còn gọi núi Linh Thứu ,Y-sa-quāt ,Thứu Đầu ,Thứu Phong ,một tròng nhinig ngọn núi nằm về phìa Đông Bắc thành Vương Xá. Theo MA. I. 291, SA. n. 417; AA. I. 412;... do đinh của ngọn núi giong như mỏ của chim kền kên nên nhân đó mà được đặt tên. 67 Vô Tạo cũíng gọi là Vô Phiền ,Avihā, một ương năm cõi trời Tịnh Cư . 68 A-ca-ni-trá ,Akanittha

còn gọi là Hữu Đảnh sắc Cứu Cánh ,Nhất Cứu Cánh . 69 Chỉ cho đức Phật Thích-ca. 70 Vô Nhiệt * Atappā. 71 Trú Độ úiọ ,Pāricchattaka, Pārijāta. Cây này sanh trưởng ương vườn Nan-đà Nandanavana, bên ngoài Thiến Pháp đường Sudhammāsalā, frên cõi trời Đao-lợi Tavatimsa; Tdng.7?02.0125.39.2. 0729b12 mô tả: uGoc cây to 50 do-tuần, cao 100 do-tuần, bóng cây che phủ 4 phíarộng 50 do-tuần.,,

Tướng hảo đầy đủ, Đen trời Thiện Kiến.72
Cũng như hoa sen, Không bi dính nước,
The Ton vo nhiêm, Đen Đại Thiện Kiến.73
Mặt trời mới mọc, Không chút bụi che,
Sáng như trăng thu, Đen Nhất Cứu Cánh.
Năm Tinh Cư này, Chúng sanh thanh tịnh,
Tâm tịnh nên đến, Nơi không não phiền.
Tâm tịnh nên được Làm đệ tử Phật,
Nhiễm, chấp xa lia, Ưa thích vô chấp.
Thấy pháp quyết định, Con Tỳ-bà-thi,
Tinh tâm mà đến, Với bạc Đại Tiên.
Đệ tử Thi-khí, Vô cấu, vô vi,
Tịnh tâm tìm về, Với bậc Lỵ Dục.
Đệ tử Tỳ-xá, Các căn đầy đủ,,
Tinh tâm đến ta, Như mặt trời chiếu.
Con Phật Cau-lâu5 Xa lìa tham dục,
Tịnh tâm đến ta, Diệu quang rực rỡ.
Con Phật Cau-na? Vô cấu, vô vi,
Tịnh tâm đến ta, Như trăng tròn sáng.
Đệ tử Ca-diếp? Các căn đầy đủ,
Tinh tâm đến ta, Như Bắc thiên niệm.74
Bất loạn Đại Tiên, Thần túc bậc nhất,
Bằng tâm kiên cố, Làm đệ tử Phật.
Tịnh tâm mà đên, Làm để tử Phạt,
Kính lễ Như Lai, Kể rõ Chí Tôn.
Nơi sanh, thành đạo, Danh tánh, chủng tộc,
Tri kiến pháp mầu, Thành đạo Vô thượng.
Tỳ-kheo nơi vang, Cau nhiễm lìa xa,
Tinh cần, không nhác, Kiết sử tận trừ.
r

QV?__ ____ L _ rrr| Ạ r-ry

Ấy là nhân duyên, Của các The Ton,
Thích-ca Như Lai, Đã vừa diễn thuyết.
5
Phật nói Kinh Đại nhân duyên này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.75

72 Thiện Kiến Sudassā. 73 Đại Thiện Kiến ,Sudassin cũng gọi là Thiện Hiện
. 74 Nhự Bắc thiên niệm .Đây là một câu kinh khó lý giải, như sự ghi nhận
của chư Tôn đức có thẩm quyền về phiên dịch. Chúng tôi thử đề xuất ý của câu kinh này là: Như lòng kính Phật của Tỳ-sa-môn Thiên vươiig. Theo DÃ. 3, Điên Tôn kinh M,Tỳ-sa-môn Thiên vương , Vessavana ở phía Bắc? Vị trời này thống
lĩnh các loai dạ-xoa co năng lực. Theo DÃ. 30, Thế kỵ kinh "Tứ Thiển VuầạgphAm"l, trời Tỳ-sa-niôn thường co 5 vị quỷ thần lớn theo hau hai
bên. 75 Bản Hán, hết quyển 1.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.